TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **14**/2018/KDTM-ST
Ngày 24/8/2018
V/v *"Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng giao nhận thầu"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Dũng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Minh Thủy
Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Toàn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Q.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 10/2018/TLST-KDTM ngày 02/5/2018, về việc: *"Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng giao nhận thầu"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2018/QĐXXST-KDTM ngày 03/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T;

Địa chỉ: Lô 47, đường số 2, KCN Đ, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Công T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Ngọc H và Lê Q (Giấy ủy quyền ngày 01/6/2018). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty L;

Địa chỉ: Lô 4K, đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng V – Tổng giám đốc.

Ông Việt ủy quyền cho ông Cù Thanh N và Lê Ánh T (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/8/2018). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T trình bày:*

Ngày 21/02/2012, Công ty T và Công ty L có ký kết Hợp đồng giao nhận thầu xây lắp số 2102/LILAMA 45.3-TUANHUY (Hợp đồng số 2102) với nội dung bên phía Công ty T thực hiện lắp đặt thiết bị điện động lực, chiếu sáng và chống sét đối với dự án Nhà máy sản xuất Lốp xe tải Radial công suất 600.000 lốp/năm tại Lô G – Khu công nghiệp L, Quận L, Thành phố Đà Nẵng. Các bên đã xác nhận giá trị khối lượng quyết toán bằng *"Bảng tổng hợp giá trị quyết toán khối lượng hoàn thành"* vào ngày

20/07/2016, theo đó, giá trị bên phía Công ty L còn phải thanh toán cho Công ty T là 641.163.047 đồng (Sáu trăm bốn mươi mốt triệu một trăm sáu mươi ba ngàn không trăm bốn mươi bảy đồng).

Ngoài ra Công ty L còn nợ 164.393.927 đồng (Một trăm sáu mươi tư triệu ba trăm chín mươi ba ngàn chín trăm hai mươi bảy đồng chẵn) tiền máng cáp phát sinh trong dự án Nhà máy sản xuất Lốp xe tải Radial công suất 600.000 lốp/năm theo Hợp đồng số 04/HĐKT/LILAMA 45.3-TH/2012 và các phụ lục đính kèm.

Ngày 05/08/2013, Công ty T và Công ty L tiếp tục ký Hợp đồng giao nhận thầu xây lắp số 050813/LILAMA 45.3-TUANHUY (Hợp đồng số 050813) với nội dung bên phía Công ty T thực hiện lắp đặt thiết bị điện động lực, chiếu sáng và chống sét đối với dự án di dời xí nghiệp Săm lốp ô tô từ Bắc Mỹ An vào Khu công nghiệp Liên Chiểu tại địa điểm Khu công nghiệp Liên Chiểu, quận L, thành phố Đà Nẵng. Các bên cũng đã xác nhận giá trị khối lượng quyết toán bằng *"Bảng tổng hợp giá trị quyết toán khối lượng hoàn thành"* vào ngày 19/09/2016, theo đó, giá trị bên phía Công ty L còn phải thanh toán cho Công ty T là 3.649.891.557 đồng (Ba tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu tám trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm năm mươi bảy đồng).

Ngày 10/05/2017 Công ty L đã chuyển trả 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn). Vậy tổng cộng các hạng mục trên công ty L còn nợ Công ty T 3.455.488.531 đồng và số tiền nợ này đã được các bên thống nhất trong thư xác nhận phải thu khách hàng ngày 02/01/2018

Công ty L 45.3 phải chịu tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc đối với khoản tiền trên theo qui định. Đáng lẽ ra công ty cổ phần L 45.3 phải chịu trách nhiệm trả lãi phát sinh kể từ ngày xác nhận nghĩa vụ là ngày 20/7/2016 hoặc 19/9/2016 nói trên, tuy nhiên Công ty T chỉ yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2016.

+ Từ ngày 31/12/2016 đến ngày 09/5/2017 tính trên số tiền 4.455.448.531 đồng, mức lãi suất 8%/năm là 128.712.958 đồng.

+ Từ ngày 10/5/2017 đến ngày 31/03/2018 trên số tiền 3.455.448.531 đồng, mức lãi suất 8%/năm là 246.488.661 đồng.

Tổng tiền lãi: 128.712.958 + 246.488.661 = 375.201.619 đồng.

Nay Công ty T yêu cầu công ty L phải trả tiền nợ gốc: 3.455.448.531 đồng và tiền lãi 375.201.619 đồng. Tổng cộng 3.830.650.150 đồng

***** *Người đại diện theo ủy quyền của Công ty L trình bày:*

Công ty L đồng ý còn nợ Công ty T số tiền nợ gốc theo các hợp đồng kinh tế là 3.455.448.531 đồng và không đồng ý với số tiền lãi theo yêu cầu của Công ty T (trong hợp đồng không có quy định về việc trả lãi do chậm thanh toán) và đề nghị Công ty T chưa thực hiện việc khởi kiện để Công ty L thu xếp nguồn vốn thanh toán trong thời gian sớm nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ cơ điện T nay chuyển đổi loại hình thành Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty L trả số tiền nợ trong các hợp đồng giao nhận thầu xây lắp mà hai bên đã ký kết. Do đó, tranh chấp

phát sinh từ hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên quan hệ pháp luật "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng giao nhận thầu xây lắp" là loại án kinh doanh thương mại và khởi kiện tại nơi bị đơn có trụ sở nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ cơ điện T (nay là Công ty T) với Công ty L ký kết các hợp đồng giao nhận thầu xây lắp. Theo hợp đồng số 2102 ngày 21/2/2012 Công ty T thực hiện việc lắp đặt thiết bị điện động lực chiếu sáng và chống sét của nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial công suất 600.000 lốp/năm, đã được nghiệm thu và giá trị quyết toán đã được kiểm toán và chủ đầu tư chấp thuận là 36.007.527.000 đồng. Công ty L 45.3 đã thanh toán cho Công ty T được 35.366.363.953 đồng, còn nợ 641.163.047 đồng.

Theo hợp đồng số 050813 ngày 5/8/2013 Công ty T thực hiện công việc lắp đặt thiết bị điện, đường ống dự án di dời xí nghiệp xăm lốp ô tô từ Bắc Mỹ An vào khu công nghiệp Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, tổng giá trị quyết toán đã được kiểm toán và chủ đầu tư chấp nhận là 38.667.605.202 đồng nhưng công ty cổ phần L mới thanh toán cho Công ty T 35.017.713.645 đồng, còn nợ 3.649.891.557 đồng. Đồng thời Công ty T cung cấp máng cáp mạ kẽm phát sinh trong dự án nhà máy lốp ô tô Radial 600.000 lốp/năm theo hợp đồng số 04 ngày 04/5/2012 với số tiền công ty L còn nợ là 164.393.927 đồng. Tổng số tiền công ty L còn nợ Công ty T là 4.455.448.531 đồng. Nhưng Công ty T thừa nhận ngày 10/5/2017 công ty L đã trả 1.000.000.000 đồng. Do đó, Công ty T yêu cầu công ty cổ phần L còn phải trả nợ 3.455.448.531 đồng và phải chịu tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền 4.455.448.531 đồng tính từ ngày 31/12/2016 đến ngày 09/5/2017 là 130 ngày, với mức lãi suất 8%/năm, nên phải trả số tiền lãi là 128.712.958 đồng và phải chịu tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền 3.455.448.531 đồng tính từ ngày 10/5/2016 đến 31/3/2018 là 321 ngày, với mức lãi suất 8%/năm, nên phải trả số tiền lãi là 246.488.661 đồng.

Tại phiên tòa Công ty T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc công ty L phải trả toàn bộ số tiền trên. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của công ty L đều thừa nhận có ký kết các hợp đồng giao nhận thầu xây lắp như Công ty T trình bày trên và cũng thừa nhận số tiền công ty L đã thanh toán và số tiền còn nợ Công ty T là 3.455.448.531 đồng và công ty L cam kết sẽ sắp xếp nguồn tiền để thanh toán sớm số tiền nợ trên và đề nghị Công ty T rút đơn khởi kiện. Như vậy công ty L thừa nhận còn nợ số tiền trên, do đó những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh qui định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vậy Công ty T yêu cầu công ty L phải trả khoản nợ trên là có căn cứ được chấp nhận, nên buộc công ty L trả cho Công ty T số tiền nợ là 3.455.448.531 đồng.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán:

Công ty T yêu cầu công ty L phải trả số tiền lãi trên, số tiền nợ chậm thanh toán, nhưng công ty L không đồng ý và cho rằng trong các hợp đồng các bên không

có thỏa thuận về lãi suất chậm trả nên không đồng ý trả số tiền lãi theo yêu cầu của Công ty T. Đây là tranh chấp hợp đồng xây dựng không phải là tranh chấp dân sự nên phải áp dụng luật xây dựng và các văn bản có liên quan để giải quyết vụ án. Theo khoản 3 Điều 81 Luật xây dựng năm 2003 qui định: người có trách nhiệm thanh toán, quyết toán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về công việc của mình và phải bồi thường thiệt hại do hậu quả của việc thanh toán, quyết toán chậm hoặc sai so với qui định. Điểm c khoản 1 Điều 27 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng qui định quyền của bên nhận thầu thi công xây dựng: được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, được quyền đòi bồi thường thiệt hại khi bên giao thầu chậm bàn giao mặt bằng và các thiệt hại khác do lỗi của bên giao thầu gây ra và tại điểm d khoản 2 Điều 42 của Nghị định này cũng qui định: Bên giao thầu chậm thanh toán thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do ngân hàng thương mại mà bên nhận thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu. Như vậy, công ty L chậm thanh toán số tiền nợ trên cho Công ty T nên phải chịu lãi. Công ty T yêu cầu công ty L trả theo lãi vay 8%/năm thì không vượt quá so với mức lãi suất quá hạn trung bình tại thời điểm xét xử nên xét chấp nhận.

Về thời gian tính lãi đối với số tiền nợ chậm thanh toán: Công ty T yêu cầu công ty L phải trả lãi tính từ ngày 31/12/2016 đến ngày 9/5/2017 trên số tiền nợ là 4.455.448.531 đồng. Vậy số tiền lãi phải trả là 4.455.448.531 đồng x 130 ngày x (8%:360 ngày) = 128.712.958 đồng. Đến ngày 10/5/2017 công ty L trả cho Công ty T số tiền 1.000.000.000 đồng nên số tiền nợ còn lại là 3.455.448.531 đồng và tiền lãi từ ngày 10/5/2017 đến 31/3/2018 trên số tiền nợ gốc là 3.455.448.531 đồng, với số tiền lãi là: 246.488.661 đồng [(3.455.448.531 đồng x 321 ngày x (8%:360)]. Vậy tổng cộng tiền lãi Công ty T yêu cầu công ty L phải trả là 375.201.619 đồng.

Cơ sở để Công ty T yêu cầu công ty L trả lãi với thời gian trên là theo bảng tổng hợp giá trị quyết toán khối lượng hoàn thành mà các bên (bên nhận thầu và bên giao thầu) ký xác nhận vào các ngày 20/7/2016, 19/9/2016 và hóa đơn bán hàng ngày 30/11/2015, công ty L cũng thừa nhận nghĩa vụ phát sinh tính từ ngày trên nhưng Công ty T chỉ yêu cầu tính lãi sau thời gian các bên xác nhận số tiền phải thanh toán từ ngày 31/12/2016 đến 31/3/2018 là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận buộc Công ty L phải trả cho Công ty T số tiền lãi chậm thanh toán là 375.201.619 đồng.

Như vậy buộc công ty L phải trả cho Công ty T số tiền 3.830.650.150 đồng. Trong đó tiền nợ gốc 3.455.448.531 đồng, tiền lãi 375.201.619 đồng.

[4] Về án phí: công ty L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền (72.000.000 đồng + 2% 1.830.650.150 đồng) = 108.613.003 đồng. Hoàn trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0003158 ngày 02/5/2018 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[5] Về quyền kháng cáo: các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

** Vì các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 81 Luật xây dựng năm 2003, Điều 306 Luật thương mại, Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Buộc công ty L phải trả cho Công ty T số tiền 3.830.650.150 đồng (ba tỷ tám trăm ba mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn một trăm năm mươi đồng). Trong đó tiền nợ gốc 3.455.448.531 đồng, tiền lãi: 375.201.619 đồng.

Về án phí: Công ty L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 108.613.003 đồng. Hoàn trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0003158 ngày 02/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thành phố Q;
- CC THADS TP Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Dũng